

Bản án số: 21/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 02 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Hoàng Huy

Ông Nguyễn Hải Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Hồng T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp 12A, xã KB, huyện T, tỉnh C (có mặt).

Bị đơn: Ông Trần Như Y, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 6, xã KA, huyện U, tỉnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2021 và tại phiên tòa bà Đặng Hồng T trình bày:

Vào ngày 28/4/2020 dương lịch, ông Trần Như Y có mượn của bà T số tiền 120.000.000 đồng, có làm biên nhận và cam kết một tháng sẽ trả nhưng ông Y không trả. Bà T yêu cầu ông Y trả số tiền 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà T yêu cầu tính lãi suất chậm trả từ ngày xét xử ngày 28/02/2022 đến khi ông Y trả dứt điểm tiền gốc.

- Ông Trần Như Y không đến Tòa án theo triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Đặng Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Hồng T, khởi kiện yêu cầu ông Trần Như Y địa chỉ cư trú ấp 6, xã KA, huyện U, tỉnh C trả tiền hồi mượn, xét đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Như Y được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông Y theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Hồng T xác định ông Trần Như Y có nhờ bà hồi số tiền 120.000.000 đồng nhưng chưa trả, bà T yêu cầu ông Y trả tiền. Bà T chứng minh bằng biên nhận đề ngày 28/4/2020, thể hiện ông Y có mượn của bà T số tiền là 120.000.000 đồng, bà T cam đoan chữ ký và chữ viết họ và tên trong biên nhận là của ông Trần Như Y. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Y thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Y không có ý kiến gì liên quan đến số tiền bà T yêu cầu ông Y phải trả và vắng mặt không lý do. Từ đó, cho thấy mặt nhiên ông Y đã thừa nhận thiếu bà T số tiền là 120.000.000 đồng nên yêu cầu của bà T là có căn cứ được chấp nhận. Buộc ông Trần Như Y trả cho bà Đặng Hồng T số tiền 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà T yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày xét xử sơ thẩm từ ngày 28/02/2022. Xét thấy, việc bà T yêu cầu tính lãi sau ngày xét xử sơ thẩm, theo quy định kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định Bộ luật dân sự. Do đó, bà T có quyền yêu cầu tính lãi suất chậm thi hành tại giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của bà Đặng Hồng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008402 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, bà T được nhận lại.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông Trần Như Y phải trả cho bà Đặng Hồng T là 120.000.000 đồng $\times 5\% = 6.000.000$ đồng. Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hồng T về việc yêu cầu ông Trần Như Y trả tiền vay.

- Buộc ông Trần Như Y trả cho bà Đặng Hồng T số tiền là 120.000.000 (Một trăm hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Đặng Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Như Y chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông Y còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Đặng Hồng T không phải chịu án phí, bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008402 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, bà T được nhận lại.

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Trần Như Y phải chịu 6.000.000 (sáu triệu) đồng, khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Án xử sơ thẩm bà Đặng Hồng T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Như Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

